

Bản án số: 443/2026/DS-PT

Ngày: 31-3-2026

“V/v Tranh chấp chia thừa kế tài sản, tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố Văn bản công chứng vô hiệu”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Nhân

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thiện Tâm

Ông Trần Thanh Tòng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Gọn - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 và ngày 31 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 999/2025/TLPT-DS ngày 24 tháng 12 năm 2025 về việc “Tranh chấp chia thừa kế tài sản, tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 135/2025/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 74/2026/QĐ-PT ngày 03 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thanh T3, sinh năm: 1987; Địa chỉ: Số H, đường H, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Hoàng Việt H, sinh năm 1983; địa chỉ: Tầng G, số E, đường N, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh, theo văn bản uỷ quyền ngày 10/10/2025, có mặt.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Quốc T, sinh năm: 1985; Địa chỉ: Ấp C, xã V, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Nguyễn Hữu T1 – Luật sư Đoàn luật sư Thành phố H.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1958; địa chỉ: Ấp C, xã V, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

2. Ông Nguyễn Phú Q, sinh năm: 1981; địa chỉ: Ấp C, xã V, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

3. Ông Ngô Thành T2, sinh năm 1991; địa chỉ: Số A P, P, N, tỉnh Khánh Hòa, có đơn xin vắng.

4 Bà Ngô Thị Ngọc B, sinh năm 1968; địa chỉ: Số C đường Đ, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh, có đơn xin vắng.

5 Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1963; địa chỉ: Số C đường Đ, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh, có đơn xin vắng.

6 Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1958; địa chỉ: xã M, huyện Đ, tỉnh Long An, có đơn xin vắng.

7 Bà Ngô Thị N1, sinh năm 1965; địa chỉ: Số F đường Đ, là Phường X, Thành phố Hồ Chí Minh, có đơn xin vắng.

8 Ông Ngô Thành P, sinh năm 1974; địa chỉ: Số B đường Đ, Phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, có đơn xin vắng.

9. Ủy ban nhân dân xã V, tỉnh Tây Ninh; người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Văn Tây L1 - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã V, tỉnh Tây Ninh, có đơn xin vắng.

10 Trung tâm phát triển quỹ đất; người đại diện theo uỷ quyền: Ông Huỳnh Lê Trung V- Phó Giám đốc Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất khu vực B, có đơn xin vắng.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T3 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Phú Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thanh T3 trình bày: Ông Nguyễn Văn T4 (đã chết vào năm 2020) có vợ tên Nguyễn Thị N đã làm thủ tục ly hôn ngày 21/01/2013 theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 05/2013/QĐST –HNGĐ của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Ông T4 và bà N có các con chung tên Nguyễn Phú Q, Nguyễn Quốc T và Nguyễn Thanh T3. Ông T4 không có con riêng con nuôi nào khác. Ba ruột của ông T4 tên là Nguyễn Văn P1 đã chết ngày 09/8/1997 và mẹ ruột tên Ngô Thị S đã chết ngày 27/8/2021.

Trước khi chết, ông T4 không có để lại di chúc và có để lại các tài sản gồm: Thửa đất số 200, loại đất nuôi trồng thủy sản; thửa đất số 208, loại đất trồng cây hàng năm khác; thửa đất số 209, loại đất chuyên trồng lúa nước; thửa đất số 480,

loại đất trồng cây hàng năm khác; thửa đất số 713, loại đất nghĩa trang, nghĩa địa. Tất cả các thửa đất trên đều thuộc tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại Ấp D, xã T, huyện T, tỉnh Long An. Nay bà yêu cầu chia các di sản này làm 3 phần cho các con của ông T4. Bà yêu cầu nhận một phần và giá trị quyền sử dụng đất. Bà T3 xác định không tranh chấp cây trồng, công trình kiến trúc trên đất.

Sau khi ông T4 chết, bà có thỏa thuận với ông T (thỏa thuận bằng lời nói) là phần di sản bà được hưởng sẽ để lại cho ông T với yêu cầu ông T phải có nghĩa vụ nuôi mẹ tên là Nguyễn Thị N. Tuy nhiên, sau khi bà ký văn bản thuận phân chia di sản thì ông T bỏ đi nơi khác, không chăm sóc cho bà N như đã thỏa thuận và ông T lại làm hồ sơ sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCN QSDĐ) từ ông T4 sang ông T. Bà yêu cầu vô hiệu Văn bản thuận phân chia tài sản thừa kế ngày 17/3/2021 do Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) xã T chứng thực (trong văn bản có ghi “dấu lấn tay ngón trỏ phải” tại các trang).

Đối với Văn bản thuận phân chia tài sản thừa kế ngày 17/3/2021 do UBND xã T chứng thực (trong văn bản không có ghi “dấu lấn tay ngón trỏ phải”), bà xác định chữ ký tại các trang giáp lai không phải của bà, do bà tra tìm trên mạng văn bản này và in ra cung cấp cho Tòa án. Bà xác định không cung cấp được bản chính cho Tòa án. Bà xác định không yêu cầu giám định chữ ký Văn bản thuận phân chia tài sản thừa kế ngày 17/3/2021 do UBND xã T chứng thực (trong văn bản không có ghi “dấu lấn tay ngón trỏ phải”).

Bị đơn ông Nguyễn Quốc T trình bày: Ông thống nhất với bà T3 về các hàng thừa kế của ông Nguyễn Văn T4, di sản của ông T4 để lại.

Ông T4 chết không để lại di chúc, ông T4 có nợ và ông đã trả nợ thay cho ông T4. Ông xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết các khoản nợ do ông T4 để lại.

Ông T4 có để lại các di sản là: Thửa đất số 200 loại đất nuôi trồng thủy sản; thửa đất số 208, loại đất trồng cây hàng năm khác; thửa đất số 209, loại đất chuyên trồng lúa nước; thửa đất số 480, loại đất trồng cây hàng năm khác; thửa đất số 713, loại đất nghĩa trang, nghĩa địa.

Các hàng thừa kế của ông T4 có thống nhất ký Văn bản thuận phân chia tài sản thừa kế ngày 17/3/2021 do UBND xã T chứng thực để lại các thửa đất nêu trên cho ông. Ông yêu cầu không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà T3.

Trường hợp Tòa án vô hiệu của Văn bản thuận phân chia tài sản thừa kế mà chấp nhận theo yêu cầu của bà T3 chia thừa kế thì ông yêu cầu Tòa án chia di sản theo quy định pháp luật, ông không yêu cầu giải quyết phần nợ ông đã trả thay cho ông T4.

Đối với Văn bản thuận phân chia tài sản thừa kế ngày 17/3/2021 do UBND xã T chứng thực (trong văn bản không có ghi “dấu lấn tay ngón trỏ phải”) do bà T3 cung cấp cho Tòa án thì ông xác định không biết, ông không có bản chính của văn bản này và không yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N : Bà là vợ của ông

Nguyễn Văn T4 đã làm thủ tục ly hôn ngày 21/01/2013 theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 05/2013/QĐST –HNGĐ của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Các di sản của ông Nguyễn Văn T4 để lại là tài sản riêng của ông T4. Bà xác định không tranh chấp và không có yêu cầu gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Phú Q trình bày: Ông là con ruột của ông Nguyễn Văn T4. Ông thống với lời trình bày của bà T3 về các hàng thừa kế và di sản do ông T4 để lại.

Ông xác định trước khi chết, ông T4 có nợ, ông T đã trả nợ thay cho ông T4. Ông yêu cầu ông T phải cung cấp bảng sao kê các khoản nợ để khấu trừ vào di sản trước khi chia.

Phần di sản còn lại ông yêu cầu chia làm 4 phần cho ông, ông T, bà T3 và những hàng thừa kế của cụ S. Ông yêu cầu nhận một phần, phần di sản đã thu hồi thì ông yêu cầu nhận tiền, phần đất còn lại ông yêu cầu chia đều cho mỗi người. Ông xác định không tranh chấp cây trồng, công trình kiến trúc trên đất. Hiện trên các thửa đất này có căn nhà, ông là người trực tiếp sống trong căn nhà này.

Trước đây ông có ký tên vào Văn bản thuận phân chia tài sản thừa kế nhưng ông nghĩ đó là văn bản ủy quyền, vì ông có trao đổi với ông T là ủy quyền toàn bộ cho ông T đại diện tham gia ký các giấy tờ pháp lý chứ ông không nghĩ là ông ký tên vào văn bản chia thừa kế theo như văn bản thuận phân mà ông T cung cấp. Ông yêu cầu vô hiệu Văn bản thuận phân chia tài sản thừa kế ngày 17/3/2021 do UBND xã T chứng thực.

Đối với Văn bản thuận phân chia tài sản thừa kế ngày 17/3/2021 do UBND xã T chứng thực (trong văn bản không có ghi “dấu lấn tay ngón trỏ phải”), ông xác định không có ký tên tại các trang giáp lai và không yêu cầu giám định.

Người có quyền lợi nghĩa vụ UBND xã V vắng mặt nhưng tại Văn bản số 542/UBND-KT ngày 03/9/2025 có ý kiến như sau: Ngày 17/3/2021, UBND xã T chứng thực Văn bản thuận phân chia di sản thừa kế số 24/2021, quyền số 01/2021-SCT/HĐ, GD. Tại thời điểm chứng thực, UBND xã kiểm tra đầy đủ các yếu tố theo quy định của pháp luật về công chứng, chứng thực gồm: Tư cách chủ thể của những người yêu cầu chứng thực, năng lực hành vi dân sự của những người yêu cầu chứng thực, sự tự nguyện của các bên tham gia thỏa thuận, các giấy tờ liên quan đến tài sản, giấy tờ chứng minh mối quan hệ thừa kế theo quy định của pháp luật, nội dung văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Căn cứ vào kết quả kiểm tra và các hồ sơ kèm theo, UBND xã T (nay là xã V, tỉnh Tây Ninh) chứng thực Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế số 24/2021, quyền số 01/2021-SCT/HĐ, GD là đúng quy định của pháp luật tại thời điểm chứng thực.

Người có quyền lợi nghĩa vụ bà Ngô Thị Ngọc B, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị X, bà Ngô Thị N1, ông Ngô Thành P có ý kiến: Các ông, bà là con ruột

của cụ Ngô Thị S (chết năm 2022) và ông Nguyễn Văn P1 (đã chết, không nhớ rõ thời gian).

Cụ S và ông P1 có 7 người con: Nguyễn Thị X, Nguyễn Văn T4 (đã chết), Nguyễn Thị L, Ngô Thị N1, Ngô Thị Ngọc B, Ngô Thành P, Ngô Thành V1 (đã chết cách nay khoảng 6 năm).

Khi cụ S còn sống, các ông bà có nghe cụ S nói có ký và lặn tay trong văn bản thuận phân chia di sản thừa kế ngày 17/3/2021 (không chứng kiến) để cho ông Nguyễn Quốc T đứng tên trên di sản do ông Nguyễn Văn T4 để lại. Các quyền sử dụng đất là của T4 đứng tên, nguồn gốc do ông bà để lại.

Các ông, bà xác định không yêu cầu nhận phần cụ S được hưởng trong di sản của ông Nguyễn Văn T4.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Thành T2 vắng mặt nhưng tại bản tự khai có ý kiến như sau: Ông là con của ông Ngô Thành V1 (đã chết năm 2012) và bà Nguyễn Thị H1. Ông Ngô Thành V1 là con của cụ Ngô Thị S.

Ông Nguyễn Văn T4 mất để lại di sản gồm các thửa đất số 713, 200, 480, 208, 209, 503 tờ bản đồ số 16, địa chỉ Ấp D, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

Cụ S được hưởng di sản của ông T4 để lại ý kiến: Ông từ chối nhận phần cụ S được hưởng. Ông cam đoan những lời khai từ chối nhận di sản của ông T4 do cụ S được hưởng là tự nguyện không bị ép buộc.

Người có quyền lợi nghĩa vụ Trung tâm, phát triển quỹ đất do ông Huỳnh Lê Trung V đại diện vắng mặt nhưng có ý kiến: Căn cứ Quyết định 1013/QĐ-UBND, Quyết định 1014/QĐ-UBND, Quyết định 1015/QĐ-UBND Quyết định 1016/QĐ-UBND, Quyết định 1017/QĐ-UBND, Quyết định 1018/QĐ-UBND cùng ngày 18/8/2025, căn cứ Quyết định số 768/QĐ-UBND ngày 12/8/2025 của UBND Vàm Cỏ về phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất của ông Nguyễn Văn T4 (chết) đại diện Nguyễn Phú Q để thực hiện dự án Giải phóng mặt bằng để xây dựng cầu, đường vào 03 cầu trên ĐT.827E, xã V, tỉnh Tây Ninh.

Theo đó giá trị bồi thường, hỗ trợ đối với ông Nguyễn Văn T4 (chết) đã được phê duyệt với tổng số tiền 4.085.867.821đ.

Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất khu vực B chưa chi trả tiền bồi thường hỗ trợ đối với Nguyễn Văn T4 (chết) đại diện Nguyễn Phú Q. Hiện nay, số tiền bồi thường hỗ trợ được tạm gửi ngân hàng.

Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất khu vực B đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 5-Tây Ninh căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết yêu cầu khởi kiện của các đương sự. Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất khu vực B đề nghị vắng mặt trong quá trình tố tụng giải quyết vụ án nêu trên.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 135/2025/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Tây Ninh, đã xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thanh T3 việc tranh chấp chia thừa kế về tài sản, tranh chấp đến yêu cầu tuyên bố Văn bản công chứng vô hiệu đối với ông Nguyễn Quốc T.

1.1. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thanh T3 về việc yêu cầu vô hiệu Văn bản thuận phân chia tài sản thừa kế ngày 17/3/2021 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Long An (nay là xã V, tỉnh Tây Ninh) chứng thực số 24/2021, quyền số 01/2021-SCT/HĐ, GD.

1.2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thanh T3, ông Nguyễn Phú Q về việc yêu cầu chia thừa kế về tài sản đối với các thửa đất số 200, 208, 209, 480, 713 cùng tờ bản đồ số 16 tọa lạc ấp D, xã T, huyện T, tỉnh Long An (nay là xã V, tỉnh Tây Ninh).

2. Về các chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thanh T3 phải chịu số tiền 23.000.800đ (Hai mươi ba triệu, tám trăm đồng). Bà T3 đã nộp xong

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Bà Nguyễn Thanh T3 phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sung vào ngân sách nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng đã nộp 28.800.000đ (Hai mươi tám triệu, tám trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009218 của ngày 21/11/2023 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5-Tây Ninh). Hoàn trả cho bà Nguyễn Thanh T3 số tiền còn thừa 28.500.000đ (Hai mươi tám triệu, năm trăm nghìn đồng)

3.2. Hoàn trả cho ông Nguyễn Phú Q số tiền tạm ứng án phí 10.000.000đ (Mười triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009494 ngày 28/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5-Tây Ninh).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, hướng dẫn thi hành án.

Ngày 01/10/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Phú Q kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng chấp nhận yêu cầu độc lập của ông.

Ngày 03/10/2025, nguyên đơn bà Nguyễn Thanh T3 kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thanh T3 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Phú Q vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, tại phần tranh luận:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Hoàng Việt H trình bày: Như ban đầu phiên tòa nguyên đơn hay đổi yêu cầu kháng cáo từ sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn thành hủy án sơ thẩm để xét xử lại. Căn cứ: Thứ nhất, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý yêu cầu khởi kiện không đúng

quy định pháp luật, cụ thể nguyên đơn có đơn khởi kiện ngày 21/11/2023 khởi kiện ông Nguyễn Quốc T để chia thừa kế tài sản đối với 05 thửa đất 200, 208, 209, 408 và 713 thuộc tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại ấp D, xã T, huyện T, tỉnh Long An (nay là xã V, tỉnh Tây Ninh). Sau khi hoàn thành nghĩa vụ về tạm ứng án phí thì tòa án sơ thẩm đã thụ lý đối với yêu cầu khởi kiện chia thừa kế đối với 05 thửa đất này. Sau đó nguyên đơn có khởi kiện bổ sung với nội dung “Đơn yêu cầu hủy giấy thuận phân chia tài sản ngày 28/3/2024” vào thời gian đó ngày 29/3/2024 tòa án đã thụ lý mặc dù không thuộc được hợp được miễn hoặc là không phải nộp tạm ứng án phí, tuy nhiên tòa án cấp sơ thẩm không buộc nguyên đơn phải nộp tạm ứng án phí để thụ lý đối với yêu cầu này nhưng vẫn thụ lý vụ án để giải quyết. Tại biên bản hòa giải ngày 12/8/2025, bút lục 285 và 286 nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện từ yêu cầu hủy văn bản thuận phân chia di sản thừa kế ngày 17/3/2021 do UBND xã T ký tên thành yêu cầu tuyên vô hiệu văn bản này, tuy nhiên tòa án sơ thẩm chỉ ghi nhận ý kiến của nguyên đơn qua văn bản hòa giải, không có bất kỳ văn bản thay đổi nội dung đơn khởi kiện và tòa án vẫn không thụ lý yêu cầu này nhưng xem xét giải quyết trong quá trình giải quyết vụ án. Thứ hai, quá trình tố tụng cấp sơ thẩm, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế 5 thửa đất là 200, 208, 209, 408 và 713, trong quá trình giải quyết, tòa án thực hiện quá trình tố tụng đối với 06 thửa đất, có 01 thửa ngoài phạm vi yêu cầu của nguyên đơn, cụ thể là thửa 503, và thửa đất này xuất hiện trong các văn bản tố tụng như biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 28/3/2024 bút lục 164, 165, mảnh trích đo địa chính 11-2024 cũng mô tả thửa đất 503, biên bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 27/12/2023 bút lục 154, chứng thư định giá ngày 13/4/2024 từ bút lục 128-145 cũng xem xét định giá đối với tổng cộng là 6 thửa. Như vậy Tòa án cấp sơ thẩm xem xét 6 thửa là nằm ngoài phạm vi, dẫn đến việc xem xét hiện trạng ranh giới, mốc giới và giá trị của các thửa tranh chấp không đúng với yêu cầu của nguyên đơn mà vượt quá yêu cầu nguyên đơn. Từ đó, tòa án cấp sơ thẩm làm căn cứ giải quyết vụ án dẫn đến xét xử không đúng. Thứ ba, áp dụng sai pháp luật trong giải quyết vụ án. Yêu cầu khởi kiện khởi kiện của nguyên đơn là yêu cầu tuyên vô hiệu văn bản thuận phân chia, tuy nhiên tòa án cấp sơ thẩm lại áp dụng các quy định của luật công chứng để xác định thẩm quyền, thời gian địa điểm chứng thực, tại 6.2 và 6.4 của phần nhận định của tòa án. Trong đó, tòa án sơ thẩm dựa vào Luật Công chứng để xác định thẩm quyền liên quan đến việc công chứng, thời gian, địa điểm công chứng là không đúng. Trong khi đó, văn bản là chứng thực thì nên áp dụng theo luật chứng thực. Từ cơ sở đó, nguyên đơn đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại bản án theo đúng pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, Luật sư Nguyễn Hữu T1 trình bày: tôi cho rằng cấp sơ thẩm giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật, đúng bản chất của vụ án do đó đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm. Về yêu cầu giám định của phía bị đơn, các bên đương sự đã thừa nhận trong văn bản có dấu lặn tay của cụ S, văn bản này các bên đương sự đã thừa nhận và UBND xã T xác thực các đương sự là đúng quy định pháp luật. Cho nên đây là tình tiết không phải chứng minh, đương sự đề nghị giám định văn bản nội dung của các trang không có dấu vân tay của cụ S, văn bản này trong tài liệu và quá trình giải quyết vụ

án không có bản chính, nguyên đơn lấy tài liệu từ trên internet, do đó không có giá trị pháp lý. Từ những phân tích trên yêu cầu HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thanh T3 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Phú Q thực hiện đúng quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp và đầy đủ người tham gia tố tụng và thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định trong quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện của nguyên đơn cho rằng TA cấp sơ thẩm không cho nguyên đơn nộp tạm ứng án phí bổ sung đối với yêu cầu tuyên văn bản công chứng vô hiệu nhưng vẫn giải quyết là không đúng, xét thấy việc này vẫn đảm bảo quyền lợi nguyên đơn, có lợi cho chính bản thân nguyên đơn. Mặt khác, khi nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế đã được phân chia bằng Văn bản thuận phân chia tài sản thừa kế thì bắt buộc phải giải quyết văn bản này mới giải quyết được yêu cầu của nguyên đơn; trường hợp nguyên đơn không khởi kiện bổ sung thì Tòa án vẫn xem xét tính hợp pháp của văn bản này.

Đại diện của nguyên đơn cũng cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm thẩm định, định giá thửa 503 trong khi nguyên đơn không yêu cầu chia thửa đất này. Xét thấy rằng, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của ông T4; tại đơn yêu cầu của bà T3 ngày 28/3/2024 cũng thể hiện bà T3 có tranh chấp thửa 503 nên Tòa án cấp sơ thẩm có thể hiện thửa đất này trong hồ sơ vụ án không phải là vượt quá yêu cầu. Sau đó, bà T3 xác định lại các thửa đất tranh chấp không có thửa 503 nên Tòa án cấp sơ thẩm chỉ giải quyết đối với các thửa còn lại là đúng quy định.

Vì vậy, không có căn cứ cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự nên không chấp nhận yêu cầu hủy án sơ thẩm của nguyên đơn.

Về nội dung vụ án: Tài sản mà các đương sự tranh chấp gồm quyền sử dụng 05 thửa đất của ông Nguyễn Văn T4 gồm: Thửa số 200, diện tích thực tế: 1.153,2m² (giấy cấp: 1.168,7m²), đất NTS; thửa số 209, diện tích thực tế: 3.770,8m² (giấy cấp: 3.761m²), đất LUC; thửa số 480, diện tích thực tế: 1.648,8m² (giấy cấp: 1.737,4m²), đất BHK. Trong đó diện tích nhà 13,95m²; thửa số 713, diện tích thực tế: 2.036,5m² (giấy cấp: 2.043m²), đất NTD, trong đó diện tích nhà 58,64m²; thửa số 208, diện tích thực tế: 1.286,5m² (giấy cấp 1.340,6m²), đất BHK, trên đất có mồ mả. Tổng giá trị quyền sử dụng đất tại thời điểm tháng 4/2024 làm tròn là 3.849.221.000 đồng; giá trị công trình trên đất là 124.572.000 đồng.

Năm 2025, UBND xã V đã ra quyết định thu hồi một phần diện tích đất của ông T4 gồm: 1.217,7m² thuộc thửa 208; 108,3m² thuộc thửa 503; 1.071,7m² thuộc thửa 713; 1.723,3m² thuộc thửa 480; 2.003,1m² thuộc thửa 209; 288,6m² thuộc

thừa 200. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ đối với ông T4 đã được phê duyệt là 4.085.867.821 đồng nhưng chưa được chi trả, số tiền này đang được tạm gửi tại Ngân hàng.

Xét Văn bản thuận phân chia tài sản thừa kế ngày 17/3/2021 do Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) xã T chứng thực. Văn bản thể hiện các thừa kế của ông Nguyễn Văn T4 gồm cụ S, ông Q, ông T, bà T3 thỏa thuận phân chia di sản của ông T4 đối với 05 thửa đất (713, 200, 480, 208, 209), theo đó: Cụ S, ông Q, bà T3 đồng ý giao phần thừa kế được hưởng cho ông T. Xét thấy việc phân chia di sản đã được lập thành văn bản, có chứng thực đúng quy định tại Điều 565 Bộ luật Dân sự; Điều 167 Luật Đất đai năm 2013; nội dung thỏa thuận không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên Văn bản có hiệu lực theo Điều 116, 117 Bộ luật Dân sự.

Bà T3 cho rằng việc bà đồng ý nhường phần thừa kế được hưởng cho ông T là với điều kiện ông T phải có nuôi bà N, nhưng ông T không thực hiện nên bà yêu cầu hủy Văn bản phân chia thừa kế ngày 17/3/2021. Tuy nhiên bà T3 không chứng minh được có việc thỏa thuận này, ông T cũng không thừa nhận nên không có cơ sở xác định việc bà T3 đồng ý giao phần thừa kế của bà cho ông T hưởng là có điều kiện.

Ngoài ra, bà T3 còn cho rằng bà chỉ ký tên tại trang 4 của văn bản, không ký các trang 1,2,3 nhưng tại cấp sơ thẩm bà không yêu cầu giám định chữ ký. Mặt khác, bà T3 cũng đã xác nhận bà đồng ý giao phần của bà cho ông T nên mặc dù bà T3 không thừa nhận có ký tại các trang 1,2,3 của Văn bản thỏa thuận nhưng nội dung văn bản vẫn thể hiện đúng ý chí của bà nên không có cơ sở xác định hợp đồng này bị vô hiệu do thể hiện không đúng ý chí của bà T3.

Ông Q cho rằng do ông nghĩ Văn bản phân chia di sản thỏa thuận là văn bản ủy quyền nên mới ký nhưng ông không cung cấp được chứng cứ bị lừa dối khi ký vào Văn bản này. Vì vậy, không có cơ sở tuyên vô hiệu Văn bản thuận phân chia tài sản thừa kế ngày 17/3/2021 như bà T3 yêu cầu. Do Văn bản thuận phân chia tài sản thừa kế ngày 17/3/2021 nên di sản là quyền sử dụng các thửa đất 713, 200, 480, 208, 209 của ông T4 đã được phân chia xong; vì vậy việc bà T3, ông Q tiếp tục yêu cầu chia đối với các thửa đất này là không có căn cứ.

Bà T3 kháng cáo cho rằng chữ ký tại các trang 1, 2, 3 của Văn bản thuận phân chia tài sản thừa kế ngày 17/3/2021 không phải do bà ký nên đây là Văn bản giả mạo và yêu cầu giám định chữ ký của bà tại các trang này. Mặt khác bà T3 còn cho rằng còn có một Bản Văn bản thuận phân chia tài sản thừa kế ngày 17/3/2021 không có ghi “Dấu lấn tay ngón trỏ phải cụ S” nhưng chưa được giải quyết.

Xét thấy, tại cấp sơ thẩm bà T3 không yêu cầu giám định nên không có cơ sở cho rằng chữ ký của bà bị giả mạo tại các trang 1, 2, 3 của Văn bản thuận phân chia tài sản thừa kế ngày 17/3/2021 nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà T3 là phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T3 xác định có ký vào các trang của văn bản này nên việc giám định là không cần thiết.

Đối với Bản Văn bản thuận phân chia tài sản thừa kế ngày 17/3/2021 không có ghi “Dấu lăn tay ngón trỏ phải cụ S”: Bà T3 không cung cấp được bản chính của Văn bản này Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét là đúng quy định; hơn nữa bản sao y của UBND xã T chứng thực không phải như bà T3 cung cấp. Vì vậy, không chấp nhận kháng cáo của bà T3.

Ông Q kháng cáo cho rằng ông bị lừa dối khi ký vào Văn bản thuận phân chia tài sản thừa kế ngày 17/3/2021 nhưng không cung cấp được chứng cứ nên không có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thanh T3 và ông Nguyễn Phú Q; căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thanh T3 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Phú Q thực hiện đúng quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có đơn xin vắng tại phiên tòa, căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thanh T3 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Phú Q:

[2.1] Xét thấy, nguyên đơn bà Nguyễn Thanh T3 cung cấp 01 bản photo Văn bản thuận phân chia tài sản thừa kế ngày 17/3/2021 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Long An nay là xã V, tỉnh Tây Ninh chứng thực thể hiện thửa đất số 200 là do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 26/11/2018 (bút lục số 77, 78, 79, 80 và 81), nhưng không cung cấp được bản chính. Ngoài ra, nguyên đơn còn cung cấp Bản sao Văn bản thuận phân chia tài sản thừa kế ngày 17/3/2021 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Long An nay là xã V, tỉnh Tây Ninh (bút lục số 72, 73, 74, 75 và 76) chứng thực thể hiện thửa đất số 200 là do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh L cấp ngày 26/11/2018. Thấy rằng, hai văn nêu trên có cùng một nội dung và đều được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Long An nay là xã V, tỉnh Tây Ninh chứng thực và đóng dấu giáp lai các trang, chỉ có sự khác nhau là tên cơ quan cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 200. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thanh T3, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Phú Q thừa nhận ký tên vào 04 trang của Bản sao Văn bản thuận phân chia tài sản thừa kế ngày 17/3/2021 (bút lục số 72, 73, 74, 75 và 76). Riêng đối với bản Photo Văn bản thuận phân chia tài sản thừa kế ngày 17/3/2021 (bút lục số 77, 78, 79, 80 và 81) thì chỉ thừa nhận ký vào trang 4, riêng các trang còn lại 01, 02 và trang 03 không thừa nhận, đồng thời có yêu cầu giám định.

[2.3] Xét thấy, nguyên đơn bà Nguyễn Thanh T3, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Phú Q yêu cầu giám định chữ ký mang tên Nguyễn Thanh T3, Nguyễn Phú Q và dấu vân tay của cụ Ngô Thị S tại các trang số 01, 02

và 03 của bản photo Văn bản thuận phân chia tài sản thừa kế ngày 17/3/2021 (bút lục số 77, 78, 79, 80 và 81). Thấy rằng, quá trình tố tụng và tại đơn yêu cầu về việc trưng cầu giám định đề ngày 10/10/2025 của nguyên đơn bà Nguyễn Thanh T3 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Phú Q đều thừa nhận chữ ký mang tên Nguyễn Thanh T3, Nguyễn Phú Q và dấu vân tay của cụ Ngô Thị S tại trang số 04 của bản photo Văn bản thuận phân chia tài sản thừa kế ngày 17/3/2021 (bút lục số 77, 78, 79, 80 và 81) là của bà T3, ông Q và của cụ S. Thấy rằng, cụ Ngô Thị S mất ngày 27/8/2021 và khi còn sống cụ S cũng không có ý kiến khiếu nại về dấu vân tay của mình tại Văn bản thuận phân chia tài sản thừa kế ngày 17/3/2021. Mặt khác, bản photo Văn bản thuận phân chia tài sản thừa kế ngày 17/3/2021 (bút lục số 77, 78, 79, 80 và 81) được kết cấu bởi 05 trang giấy A4, bao gồm cả trang chứng thực và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Long An cũ chứng thực và đóng dấu giáp lai cả 05 trang, trong đó có trang số 04 có chữ ký mang tên bà Nguyễn Thanh T3, ông Nguyễn Phú Q và dấu vân tay của cụ Ngô Thị S, được bà T3, ông Q thừa nhận. Bên cạnh đó, bản photo Văn bản thuận phân chia tài sản thừa kế ngày 17/3/2021 (bút lục số 77, 78, 79, 80 và 81) và Bản sao Văn bản thuận phân chia tài sản thừa kế ngày 17/3/2021 (bút lục số 72, 73, 74, 75 và 76) đều có cùng một nội dung, đều được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Long An nay là xã V, tỉnh Tây Ninh chứng thực và đóng dấu giáp lai các trang, chỉ có sự khác nhau là tên cơ quan cấp giấy đối với thửa đất số 200. Đồng thời, bà T3 và ông Q cũng thừa nhận ký tên vào 04 trang của Bản sao Văn bản thuận phân chia tài sản thừa kế ngày 17/3/2021 (bút lục số 72, 73, 74, 75 và 76). Do đó, việc nguyên đơn bà Nguyễn Thanh T3, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Phú Q yêu cầu giám định chữ ký mang tên Nguyễn Thanh T3, Nguyễn Phú Q và dấu vân tay của cụ Ngô Thị S tại các trang số 01, 02 và 03 của Văn bản thuận phân chia tài sản thừa kế ngày 17/3/2021 (bút lục số 72, 73, 74, 75 và 76) là không cần thiết.

[2.2] Xét thấy, nguyên đơn bà Nguyễn Thanh T3, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Phú Q thừa nhận ký tên vào Văn bản thuận phân chia tài sản thừa kế ngày 17/3/2021 do Ủy ban nhân dân xã T chứng thực nhưng cho rằng do ông T không thực hiện đúng thoả thuận về việc phải chăm sóc phụng dưỡng bà N (*mẹ ruột các ông bà*) nhưng không được phía bị đơn ông T thừa nhận. Mặt khác, bà T3 và ông Q cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình về việc có sự thoả thuận nêu trên. Ngoài ra, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Phú Q cho rằng chữ ký trong Văn bản thuận phân chia tài sản thừa kế ngày 17/3/2021 là do ông ký nhưng xác định ký vào Giấy ủy quyền để cho ông T làm thủ tục trả nợ thay cho ông T4. Tuy nhiên, lời trình bày trên của ông Q không được phía ông T thừa nhận và ông cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Ngoài ra, căn cứ vào giấy nhận tiền ngày 01/3/2021 của bà Ngô Thị N1 (*em ruột ông Ngô Văn T5*) và giấy nhận tiền ngày 02/01/2021 của bà Nguyễn Thị L2 thể hiện ông Nguyễn Quốc T là người trả tiền để chuộc các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T5. Đồng thời, tại bản tự khai ngày 16/5/2025 bà Ngô Thị N1 và ông Ngô Thành P (*em ruột ông T5, cô và chú ruột của ông Q, ông T và bà T3*) xác định lúc

phân chia thừa kế thì hai cháu Q, T3 đã không nhận phần thừa kế và đã cho T phần thừa kế của họ. Như vậy, từ những nhận định trên có căn cứ xác định những người thừa kế của ông Nguyễn Văn T4 gồm: cụ Ngô Thị S, ông Nguyễn Phú Q, ông Nguyễn Quốc T và bà Nguyễn Thanh T3 đã có sự thoả thuận về việc ông Nguyễn Quốc T có nghĩa vụ trả các khoản nợ của ông T4 và được hưởng toàn bộ phần tài sản của ông T4 để lại theo Văn bản thuận phân chia tài sản thừa kế ngày 17/3/2021. Do đó, việc Toà án cấp sơ thẩm giải quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thanh T3 và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Phú Q về việc vô hiệu Văn bản thuận phân chia tài sản thừa kế ngày 17/3/2021 là có căn cứ.

[3] Xét thấy, ngày 21/11/2023, Toà án nhân dân huyện Tân Trụ tỉnh Long An nay là Toà án nhân dân khu vực 5 – Tây Ninh thụ lý yêu cầu chia thừa kế của bà Nguyễn Thanh T3, sau khi bà T3 nộp tạm ứng án phí số tiền 28.500.000 đồng theo biên lai thu số 00009218 ngày 21/11/2023 của Chi cục thi hành án huyện Tân Trụ Tỉnh Long An nay là Phòng thi hành án khu vực 5 – Tây Ninh. Đến ngày 29/3/2024, Toà án tiếp tục thụ lý yêu cầu tuyên huỷ Văn bản thuận phân chia tài sản thừa kế ngày 17/3/2021 của bà Nguyễn Thanh T3, sau khi bà T3 nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 00009404 ngày 28/3/2024 của Chi cục thi hành án huyện Tân Trụ Tỉnh Long An nay là Phòng thi hành án khu vực 5 – Tây Ninh. Do đó, việc đại diện uỷ quyền của nguyên đơn bà T3 cho rằng Toà án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết yêu cầu huỷ Văn bản thuận phân chia tài sản thừa kế ngày 17/3/2021 nhưng không yêu cầu bà T3 nộp tạm ứng án phí, vi phạm thủ tục tố tụng là không có căn cứ.

[4] Xét thấy, mặc dù trong quá trình thu thập chứng cứ, Toà án cấp sơ thẩm đã thực hiện đo đạc, thẩm định tại chỗ và thẩm định giá đối với thửa đất số 503 không liên quan đến phần đất đang tranh chấp giữa hai bên nhưng cũng không làm ảnh hưởng, hay thay đổi bản chất của vụ án. Do đó, việc đại diện uỷ quyền của nguyên đơn bà T3 yêu cầu huỷ án với lý do trên là không có cơ sở.

[5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thanh T3, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Phú Q. Quan điểm phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh là có căn cứ nên được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Toà án cấp sơ thẩm giải quyết không chấp nhận yêu cầu tuyên bố Văn bản thuận phân chia tài sản thừa kế ngày 17/3/2021 và yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn bà T3 nhưng chỉ buộc đương sự phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm là chưa đúng với quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, do đó cần sửa bản án về nội dung này.

Ngoài ra, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Phú Q có yêu cầu chia thừa kế nhưng không được Toà án chấp nhận, Toà án cấp sơ thẩm không buộc đương sự chịu án phí là thiếu sót, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: nguyên đơn bà Nguyễn Thanh T3, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Phú Q phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo không được Tòa án chấp nhận.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thanh T3, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Phú Q.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 135/2025/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Tây Ninh về án phí.

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 235, Điều 264, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 611, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 660 của Bộ luật Dân sự; Căn cứ các Điều 26, Điều 137, Điều 236 Luật Đất đai năm 2024; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thanh T3 việc tranh chấp chia thừa kế về tài sản, tranh chấp yêu cầu tuyên bố Văn bản công chứng vô hiệu đối với ông Nguyễn Quốc T.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thanh T3 về việc yêu cầu vô hiệu Văn bản thuận phân chia tài sản thừa kế được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Long An nay là xã V, tỉnh Tây Ninh chứng thực ngày 17/3/2021.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thanh T3, ông Nguyễn Phú Q về việc yêu cầu chia thừa kế về tài sản đối với các thửa đất số 200, 208, 209, 480, 713 cùng tờ bản đồ số 16 tọa lạc ấp D, xã T, huyện T, tỉnh Long An nay là xã V, tỉnh Tây Ninh.

2. Về các chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thanh T3 phải chịu số tiền 23.000.800 (hai mươi ba triệu, tám trăm) đồng, bà T3 đã nộp xong.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thanh T3 phải nộp 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng án phí sung vào ngân sách nhưng được khấu trừ 28.800.000 (hai mươi tám triệu, tám trăm nghìn) đồng theo các biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009218 ngày 21/11/2023 và 0009404 ngày 28/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5-Tây Ninh, phần còn thừa hoàn trả cho đương sự.

Ông Nguyễn Phú Q phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ 10.000.000 (mười triệu) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009494 ngày 13/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ,

tỉnh Long An nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5-Tây Ninh, phần còn thừa hoàn trả cho đương sự.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thanh T3 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0006781 ngày 10/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh, bà T3 đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Ông Nguyễn Phú Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0005307 ngày 01/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh, ông Q đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

5. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

6. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND khu vực 5 – Tây Ninh;
- Thi hành án Dân sự tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Trọng Nhân